

GIỚI THIỆU VỀ ĐIỀN BẠ NHƯ NHỮNG TƯ LIỆU LỊCH SỬ VỀ LÀNG XÃ Ở MIỀN NAM VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ CẠI TRỊ CỦA HẢI QUÂN PHÁP THẾ KỶ XIX

Ono Mikiko*

GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, nhiều tư liệu lịch sử đã được các nhà nghiên cứu Việt Nam thu thập và điều tra. Điều này chứng tỏ là vẫn còn rất nhiều tư liệu lịch sử về làng xã được lưu giữ tại các làng. Những tư liệu lịch sử này cần được đưa vào các nghiên cứu về làng xã Việt Nam để mở ra những góc nhìn mới tích cực đối với những nghiên cứu trước đây vốn chỉ dựa trên những tư liệu lịch sử do chính quyền biên soạn. Mặc dù có rất nhiều ghi chép lịch sử về làng xã như *hương ước*, *địa bạ* và những tài liệu viết về thần thánh, những tài liệu mua bán đất đai v.v... được sưu tập ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam (Bắc Bộ và Trung Bộ), trong bài này tôi sẽ giới thiệu về *Điền Bạ* trong giai đoạn cai trị của Hải quân Pháp như là những tư liệu lịch sử về làng xã ở Miền Nam Việt Nam (Nam Bộ) và xem xét mối quan hệ và quá trình thực hiện *Điền Bạ* và *Địa Bạ* thời Minh Mạng, vốn mới bắt đầu được các nhà nghiên cứu Việt Nam quan tâm trong những năm gần đây.

Trái với việc nhiều tư liệu lịch sử còn được lưu giữ ở các làng xã của Bắc Bộ, người ta mới chỉ đề cập rất ít về tư liệu lịch sử trong các làng xã ở Nam Bộ. Chính điều này đã nói lên vấn đề các ghi chép lịch sử về làng xã của Nam Bộ đã bị hủy hoại trong chiến tranh và vấn đề thiếu tư liệu lịch sử về làng xã của Nam Bộ cần được quan tâm. Mặc dù Trung tâm nghiên cứu Hán Nôm thuộc Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ đã đi đầu trong việc thu thập những tư liệu lịch sử còn lưu lại trong các đền, đình, miếu ở khắp vùng Nam Bộ và trong tương lai có nhiều khả năng sẽ phát hiện và thu thập được nhiều tư liệu hơn, nhưng trong báo cáo này, tôi đề cập đến *Điền Bạ* như là những tư liệu lịch sử rất quan trọng có thể sử dụng ngay. *Điền Bạ* và *Địa Bạ* đều là một dạng ghi chép được chính quyền biên tập và chỉ có tính chất hạn chế như sổ đất, nhưng so với những tư liệu lịch sử do Nhà nước biên soạn như *Đại Nam thực lục*, ..., những tư liệu này lại đưa ra được những số liệu cụ thể không chấp vá ở cấp xã.

* Đại học Quốc tế học Kanda, Nhật Bản.

Hiện nay ở Nam Bộ, ông Nguyễn Đình Đầu và tiến sĩ Trần Thị Thu Lương là những nhà nghiên cứu tích cực hàng đầu về làng xã Nam Bộ đã sử dụng Địa Bạ dưới thời Minh Mạng (triều Nguyễn). Ông Nguyễn Đình Đầu⁽¹⁾ đã thu thập những văn bản Địa Bạ gốc và phân tích tình hình sở hữu ruộng đất của 6 tỉnh Nam Kỳ. TS. Trần Thị Thu Lương đã sử dụng Địa Bạ và phân tích tầng lớp xã hội dựa vào sở hữu đất đai tại một số làng xã. Người ta mới chỉ tìm được cuốn Địa Bạ năm 1836 (Minh Mạng 17) mà cả ông Nguyễn Đình Đầu và tiến sĩ Trần Thị Thu Lương đã phân tích nên không thể so sánh cuốn sách này với những tài liệu khác, đồng thời rất khó xem xét quá trình chuyển đổi lịch sử vì nó chỉ nói đến tình hình trong năm 1836.

ĐIỀN BẠ VÀ ĐỊA BẠ

Để sửa chữa những sai sót của các nghiên cứu về làng xã sử dụng Địa Bạ như đã nói ở trên, trong bài viết này tôi kiên quyết sử dụng Điền Bạ như là những tư liệu về làng xã trong thời kỳ cai trị của Hải quân Pháp.

Điền tịch lần đầu tiên được biên soạn vào năm 1092 dưới triều Lý Nhân Tông⁽²⁾ để tổng kết tiến trình lịch sử liên quan đến Điền Bạ và Địa Bạ. Tiếp đó, vào năm 1428 triều Lê Thái Tổ⁽³⁾, Điền Bạ và Hộ tịch được biên soạn. Khi đó Triều đình đã tiến hành một cuộc điều tra về đất đai trên toàn quốc và quyết định biên soạn cuốn sổ cái cho 4 năm theo điều 347 Quốc triều Hình luật. Dưới thời nhà Nguyễn, cuốn Điền tịch Bắc Hà đã được biên soạn năm 1804 (Gia Long 3)⁽⁴⁾. Ông Nguyễn Đình Đầu cho rằng ghi chú này có nghĩa là việc biên soạn Địa Bạ được thực hiện ở Bắc Hà và dù sao công việc này cũng đã được tăng cường thực hiện tại Bắc Bộ.

Ở Nam Bộ, Địa Bạ được biên soạn năm 1836 (Minh Mạng 17). Mỗi khi Triều đình thay đổi các quy định, Địa Bạ lại được biên soạn, nhưng người ta mới chỉ tìm thấy Địa Bạ thời Minh Mạng 17 ở Nam Bộ. Vì vậy, Địa Bạ thời Minh Mạng là tư liệu lịch sử duy nhất liên quan tới làng xã Nam Bộ suốt triều Nguyễn.

Cả Điền Bạ và Địa Bạ đều là sổ cái về đất đai ở cấp làng xã. Theo Luro, Điền Bạ là sổ cái về thuế đất (role d'Impot foncier) còn Địa Bạ là sổ cái đăng ký đất đai (Registre de description et de classification des terres de la commune)⁽⁵⁾.

Mặc dù, như đã nói ở trên, dưới thời nhà Nguyễn, Địa Bạ không được biên soạn hàng năm, Điền Bạ là cuốn sổ cái về nộp thuế đất được biên soạn hàng năm dựa theo Địa Bạ. Xét sự khác biệt về nội dung, Điền Bạ ghi chép các khoản thuế nhằm mục đích thu thuế, còn Địa Bạ ghi chép về ranh giới làng xã và phân vùng đất nhằm quản lý đất đai, và đôi khi có đính kèm bản đồ đăng ký đất. Trong khi Địa Bạ được đóng dấu của quan trên Triều cử xuống (Kinh phái) và dấu của quan huyện, Điền Bạ chỉ được đóng dấu của quan viên cấp xã và cấp tổng ở cuối quyển.

QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI MẪU ĐIỀN BẠ

Tôi đã thu thập Điền Bạ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II tại Thành phố Hồ Chí Minh. Những tư liệu lịch sử này được phân loại đưa vào các hồ sơ Thống đốc Nam Kỳ bộ sưu tập các tài liệu thời Pháp thuộc. Tôi chủ yếu thu thập Điền Bạ của huyện Tân Trụ, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An) từ năm 60 đến năm 80 có tiêu đề tiếng Pháp là *Registres des impots fanciers*, nhưng nội dung lại được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Tôi xem xét bố cục văn bản của Điền Bạ, tập trung vào giai đoạn từ năm 60 đến năm 70 dưới thời cai trị của Hải quân Pháp, phân tích quá trình chuyển đổi và ảnh hưởng giữa Điền Bạ và Địa Bạ thời Minh Mạng.

1. Một ví dụ về Địa Bạ năm 1836 (Minh Mạng 17)

Trước hết, tôi xin giới thiệu một ví dụ về Địa Bạ năm 1836 để so sánh với Điền Bạ dưới thời cai trị của Hải quân Pháp năm 1860. Mặc dù khi được ông Nguyễn Đình Đầu phát hiện, tất cả các Địa Bạ đều do Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II tại Thành phố Hồ Chí Minh lưu giữ, các tư liệu này đã được chuyển ra Hà Nội và hiện nay không còn được nghiên cứu tư liệu này nữa. Do đó, tôi dùng Điền Bạ của 4 xã - Mỹ Đào, Bình Lăng, Hậu Đức và Tân Trụ thuộc huyện Tân Trụ, những cuốn Điền Bạ này đã bị mất bìa và tiêu đề nhưng cuối sách vẫn có ghi chú "Minh Mạng 17" hay "Minh Mạng lưu thôn Điền". Bốn cuốn Điền Bạ này được so sánh với Điền Bạ do ông Nguyễn Đình Đầu giới thiệu.

Điền Bạ của xã Hậu Đức, huyện Tân Trụ là một ví dụ về tư liệu mà tôi thu thập được tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Mặc dù nó không đủ để kết luận là văn bản gốc vì bị thiếu tiêu đề, nhưng tài liệu này có thể được xem như một bản sao của Địa Bạ năm 1836 bởi con dấu và hình thức của nó (xem bản ghi cuối bài).

a. *Dẫn nhập*: được trình bày dưới cùng một hình thức như Địa Bạ; Phần dẫn nhập đề cập đến tên một thôn trực thuộc các đơn vị hành chính như tổng, huyện, tỉnh, và các chức trách trong thôn là thôn trưởng, việc mục, ghi lại ranh giới của thôn ở phía bắc, nam, đông và tây, và tổng diện tích đất được phân thành từng mục như đất trồng lúa, đất không trồng lúa (Điền thổ).

b. *Ranh giới của thôn*: Những ranh giới của thôn được ghi lại theo tên và số của xứ, sau đó là các ranh giới ở phía bắc, nam, đông và tây được xác định bởi các thôn hay con sông liền kề, v.v...

c. *Liệt kê tổng số xứ và tổng số đất trồng lúa* (thực canh điền) được chia làm 2 loại đất là Thảo điền và Sơn điền, tiếp đến là tên của chủ đất và số ruộng lúa của mỗi xứ.

d. *Điền trang*: ghi tổng diện tích đất, liệt kê tên của chủ đất và diện tích của từng khoảnh đất.

đ. *Nghĩa địa và các khu đất không canh tác*: được liệt kê theo số của từng khoảnh và ranh giới của chúng.

e. *Phần kết*: Phần cuối nội dung của Điền Bạ có ghi chú số trang và lời cam kết là không có cánh đồng lúa nào chưa được đăng ký.

g. *Phần ghi cuối sách*: ghi tên của Triều đại và liệt kê tên các quan chức và đóng dấu ở từng cấp hành chính như xã, tổng, tỉnh và triều đình.

2. Điền Bạ năm 1862

Trong số các Điền Bạ của huyện Tân Trụ mà tôi thu thập được, Điền Bạ năm 1862 cũng cũ như năm 1836. So sánh Điền Bạ của thôn Triểm Đức năm 1862 và thôn Hậu Đức năm 1836 (thôn Hậu Đức được đổi tên thành thôn Triểm Đức từ năm 1836), Điền Bạ năm 1862 hoàn toàn sao chép mẫu của Địa Bạ năm 1836. Hơn nữa, các số liệu của từng phần đất đai như đất trồng lúa, bụi cây, nghĩa địa trong Điền Bạ này hoàn toàn giống với Địa Bạ, điều này khiến chúng tôi thắc mắc không hiểu luật định của triều Nguyễn trên thực tế không có hiệu lực ở Nam Bộ và các cấp làng xã đến thế nào.

Đồng thời, sự khác biệt giữa Điền Bạ năm 1862 và Địa Bạ năm 1836 là những chú giải về tổng số thuế đất và việc sử dụng chu trình 60 năm thay vì tên triều đại trong phần ghi ở cuối Điền Bạ. Do đó, các tài liệu năm 1862 không phải là Địa Bạ mà là Điền Bạ, những ghi chú về tiền thuế đất và việc biên soạn Điền Bạ năm 1862 đã sử dụng những luật định của triều Nguyễn.

3. Điền Bạ năm 1863

Tôi chỉ thu thập được Điền Bạ năm 1863 của thôn Bình Trinh Đông và một số tư liệu khác của năm 1863 là kết quả tổng hợp của từng tổng.

4. Điền Bạ những năm 1860

Điền Bạ năm 1864 không còn lưu giữ ở huyện Tân Trụ. Thay đổi đáng chú ý kể từ năm 1865 là phần ghi chú các đơn vị đo đạc: Điền Bạ bắt đầu sử dụng héc-ta (mẫu tây)⁽⁶⁾ thay cho các đơn vị đo đạc của Triều Nguyễn. Mặc dù chỉ thị liên quan đến việc giới thiệu héc-ta do Hải quân Pháp ban hành từ năm 1863, trên thực tế chỉ thị này chỉ được thực hiện vào năm 1865. Tuy nhiên, những con số được ghi bằng héc-ta đều được chuyển đổi từ các đơn vị đo đạc cũ của Triều Nguyễn và rõ ràng Hải quân Pháp đã không thể thực hiện điều tra đất đai vào thời đó.

Điền Bạ những năm 1860 có xu hướng đơn giản hóa bố cục không giống với mẫu của Địa Bạ. Địa Bạ có đặc điểm là bắt buộc phải ghi ranh giới làng xã để chính quyền có thể quản lý đất đai. Nhưng hầu hết các Điền Bạ những năm 1860 đều bỏ phần ghi ranh giới làng xã mà chỉ ghi lại số lượng các cánh đồng lúa. Hơn nữa, dưới thời Pháp thuộc, một viên quan cao cấp (Tham biện), người đưa ra Điền Bạ, đã thay thế quan tỉnh.

5. Những thay đổi của các mẫu Điền Bạ từ những năm 1870

Kể từ năm 1870, mẫu của Điền Bạ lại thay đổi và giống với mẫu của Địa Bạ. Mẫu của Điền Bạ trong năm 1870 được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm và có

cùng bố cục như Địa bạ thời Minh Mạng. Nhưng cuối năm 1880, Điền Bạ thay đổi nhiều hơn theo mẫu mới, điền chữ quốc ngữ vào mẫu in sẵn. Những thay đổi này diễn ra vào năm 1870 tương ứng với những tiến bộ trong hệ thống hành chính của các thuộc địa của Pháp.

Từ năm 1875, theo quy định, Điền Bạ được soạn làm 3 cuộn: 1 cuộn viết bằng chữ quốc ngữ và 2 cuộn vẫn được viết bằng chữ Hán Nôm, nhưng người ta không biết được là trên thực tế có bao nhiêu bản được biên soạn bằng chữ quốc ngữ. Theo những tài liệu tôi thu thập được, Điền Bạ đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ xuất hiện vào cuối năm 1880. Từ năm 1870, đôi khi Điền Bạ có những ghi chú bên lề như hương hỏa, tộc điền bên cạnh tên của từng chủ đất. Đây là những điều khoản chính liên quan đến việc thừa kế và mua bán đất đai.

KẾT LUẬN

Mặc dù ở Nhật Bản tiến sĩ Yoko Takada⁽⁷⁾ đã nghiên cứu về việc chuyển đổi chủ sở hữu đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long trong suốt giai đoạn Pháp thuộc, tình hình sở hữu đất đai ở cấp làng xã mà theo tôi sẽ phản ánh chính sách đất đai lại chưa được xem xét cụ thể do thiếu sổ cái về đất. Trong bài này, tôi đã nghiên cứu bố cục văn bản của Điền Bạ vốn là một phần của đất đai. Giới chức thời Pháp thuộc rõ ràng đã dùng hệ thống đất đai của Triều Nguyễn vào quy định ban đầu của Hải quân. Trong giai đoạn đầu của những năm 1860, giới chức Pháp sử dụng số liệu về đất đai dựa theo Địa Bạ năm 1836 và thu thuế đất theo số liệu được đổi thành đơn vị héc-ta (mẫu tây). Pháp đã lấy 3 tỉnh từ tay Triều đình nhà Nguyễn theo Hiệp định năm 1862 và đã bắt đầu thu lại đất đai từ các chủ đất không rõ ràng đồng thời ra lệnh thu thuế đất trong các vùng do Pháp cai trị trong năm 1863. Sau khi chiếm được 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ năm 1867, các nhà chức trách Pháp bắt đầu biên soạn cuốn sổ cái về đất đai từ năm 1870 dựa trên các dữ liệu nghiên cứu của các quan chức Pháp như Luro. Theo kết quả của các nghiên cứu của quan chức Pháp về xã hội làng xã Việt Nam, giới chức Pháp đã bắt chước kiểu Địa Bạ của triều Nguyễn để biên soạn thành Địa Bạ năm 1875.

Tôi khẳng định tầm quan trọng của Điền Bạ như là các tư liệu lịch sử làng xã thời kỳ Pháp thuộc. Đây chính là chìa khóa để xem xét các xã hội trong làng xã của Nam Bộ từ Triều Nguyễn đến thời kỳ Pháp thuộc, mặc dù Điền Bạ có điểm hạn chế như các cuốn sổ cái về thuế.

CHÚ THÍCH

1. Nguyễn Đình Đầu đã xuất bản bộ sách *Nghiên cứu Địa Bạ triều Nguyễn*
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tr. 3 大越史記全書 卷 3
李仁宗壬申八年 大熟定田籍姓租聚畝三米給軍糧
3. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tr. 10 大越史記全書 卷 10

黎太祖戊申順天元年（明宣統三）十一月

二十五日修田簿修籍等務旨揮各府縣鎮路踏畝勘澤洲田土并金銀等穴并本山出畝及舊額稅
及勢家人民從嗣皆入爲官遊軍等項田土至己酉年二月中旬上呈戊申籍己酉簿癸...年
...月造簿籍并開出偽官逐項

4. *Dại Nam thực lục*, tr. 23 大南寔錄 莊 23

嘉隆三年詔修北河諸鎮田籍

5. Luro (1877), *Cours D'Administration Annamite*. 263. 396-438. Saigon.

6. *Bulletin administratif de l'Annam*. 458. 1929

7. Yoko Takada (1984), "Chuyển nhượng đất đai và mở rộng các ruộng lúa ở Nam Bộ trong thời Pháp thuộc". *Nghiên cứu các mối quan hệ quốc tế*. Số 10. Tokyo.

厚堀村

嘉定省新安府順安縣順道上總厚堀村村長黃文泰役目陳文成本村等
稟爲承開事茲據本村地分田土各項某處所有東西肆近畝高尺寸各若干
類開稟納今叩

稟

一本村地分尋干中鷄口處裂沱同陰貳處

東近本縣平格上總平寧村又近本縣新宙村地分

西近大江

南近大江

北近小沱又近本縣總平靜社地分又近新宙村地分

實耕田各項田原貳拾參所度成柴拾陸所該田柴百貳拾捌畝壹高拾參尺五寸

壹項貳所貳項

尋干中鷄口處山田原拾肆所

成肆拾壹所該田參百五拾捌畝陸拾尺五寸

貳所參項拾所

參

本村人以下

原范文暫山田 壹所度成田拾畝貳高柴尺五寸

范氏雲分耕

項

東近一一

西近一一

南近一一

北近一一

一民居土貳拾貳畝捌高拾壹尺

一所土五高

原陳文祥山田壹項

一土墓壹頃

一荒間貳頃

一頃

東近一以下略一

西近一以下略一

南近一以下略一

北近一以下略一

.....上有字紙該拾陸張並已據實詳開依如簿內若妄開不實以田爲.....

實耕爲荒礎廢漏田土自壹尺以上者後差勘度及何人訴告畝果

則村長黃文泰役目陳文成本村等甘受重罪茲端

付執憑

明命拾柒年五月初拾日

村長黃文泰記

役目陳文成點指

該總阮文道給憑副總阮文瓊承引度記

吏部司務筆省候補縣攝新安府印務兼理順安縣阮時叙承錄記

省派

扶力阮文員承究記

布政使司通判記繼參次阮文素承比記

嘉定省布政使記繼參次宗室良

按察使革職留任黃文銘

京派

修部司正玖品書吏黎文儒改記

吏部清吏司員外郎馮義方承改記

禮部司正捌品書吏陳文義承覆究記

署海安道監察御史阮名尉承改記